



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1577

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 06/10/2026 đến ngày 12/10/2026)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

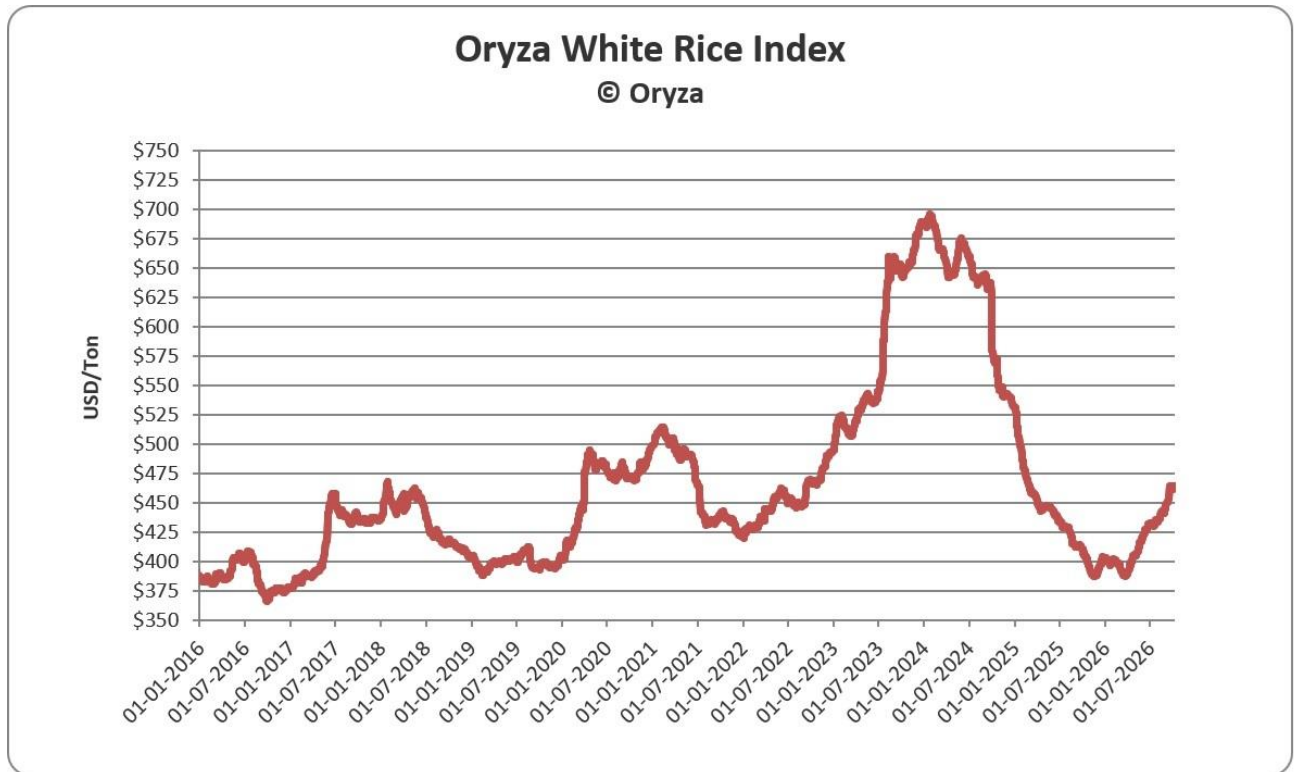
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

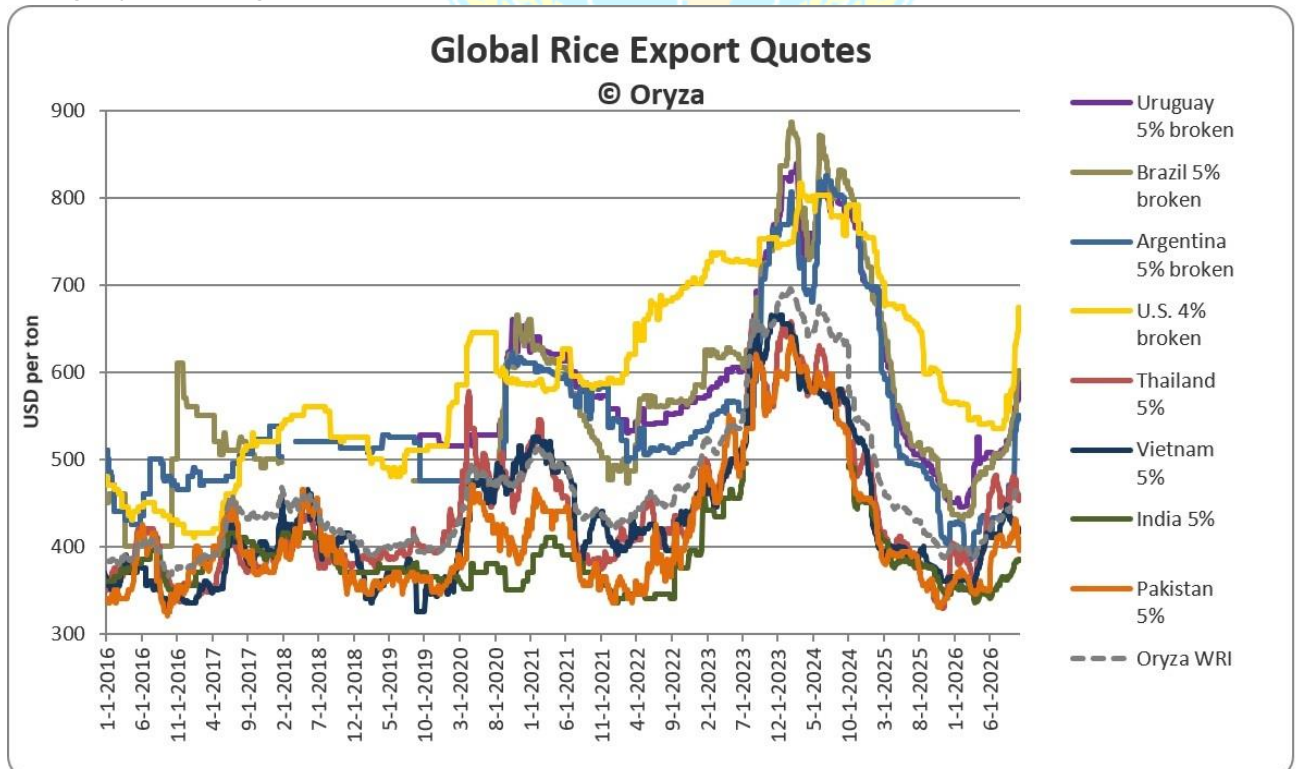
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	06 – 10		07 – 10		08 – 10		09 – 10	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	460	464	462	466	460	464	462	466
	5% tấm	451	455	453	457	451	455	453	457
	25% tấm	424	428	426	430	424	428	426	430
	Hom Mali 92%	1145	1149	1124	1128	1145	1149	1124	1128
	Gạo đỏ 100% Stxd	463	467	464	468	463	467	464	468
	A1 Super	382	386	382	386	382	386	382	386
VIỆT NAM	5% tấm	415	419	415	419	415	419	415	419
	25% tấm	398	402	398	402	398	402	398	402
	Gạo thơm 5% tấm	440	445	440	445	440	445	440	445
	Jasmine	515	519	515	519	515	519	515	519
	100% tấm	373	377	373	377	373	377	373	377
ẤN ĐỘ	5% tấm	383	387	383	387	383	387	383	387
	25% tấm	373	377	373	377	373	377	373	377
	Gạo đỏ 5% Stxd	381	385	381	385	381	385	381	385
	100% tấm Stxd	326	330	326	330	326	330	326	330
PAKISTAN	5% tấm	396	400	396	400	396	400	396	400
	25% tấm	373	377	372	376	373	377	372	376
	100% tấm Stxd	325	329	325	329	325	329	325	329
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	450	454	450	454	450	454	450	454
MỸ	4% tấm	672	676	672	676	672	676	672	676
	15% tấm (Sacked)	698	702	698	702	698	702	698	702
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	888	892	889	893	888	892	889	893

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



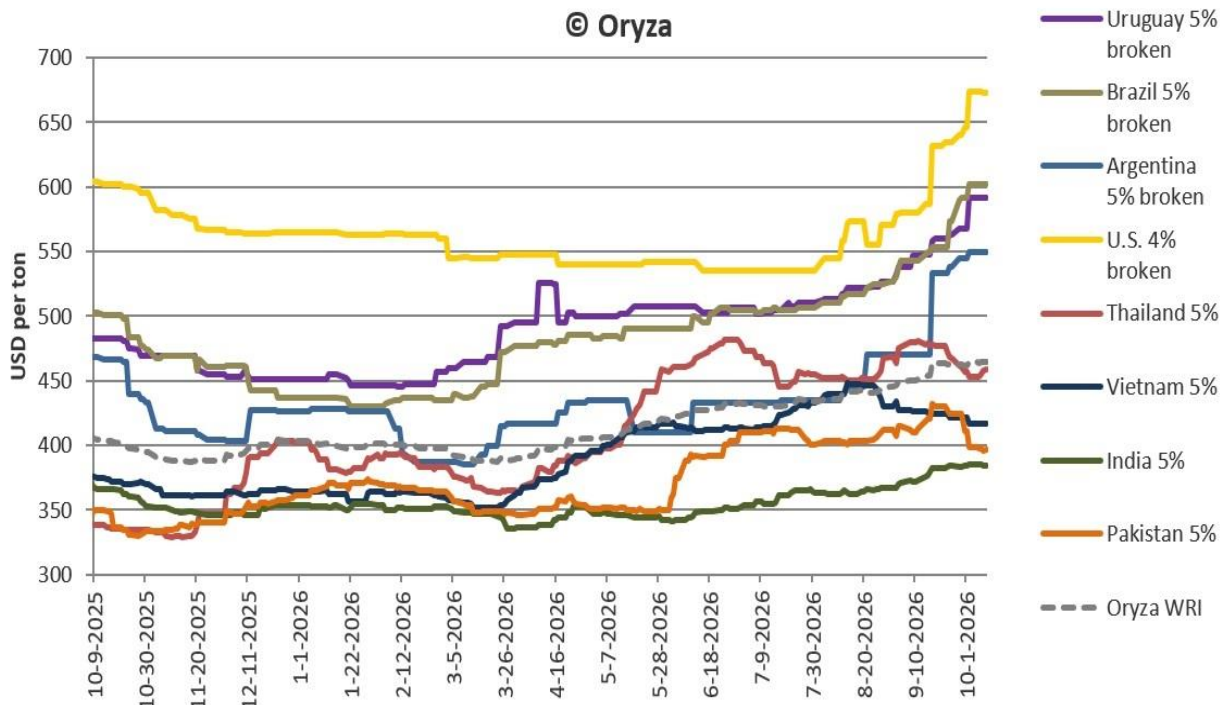
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 465 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước và tăng 14 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 59 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

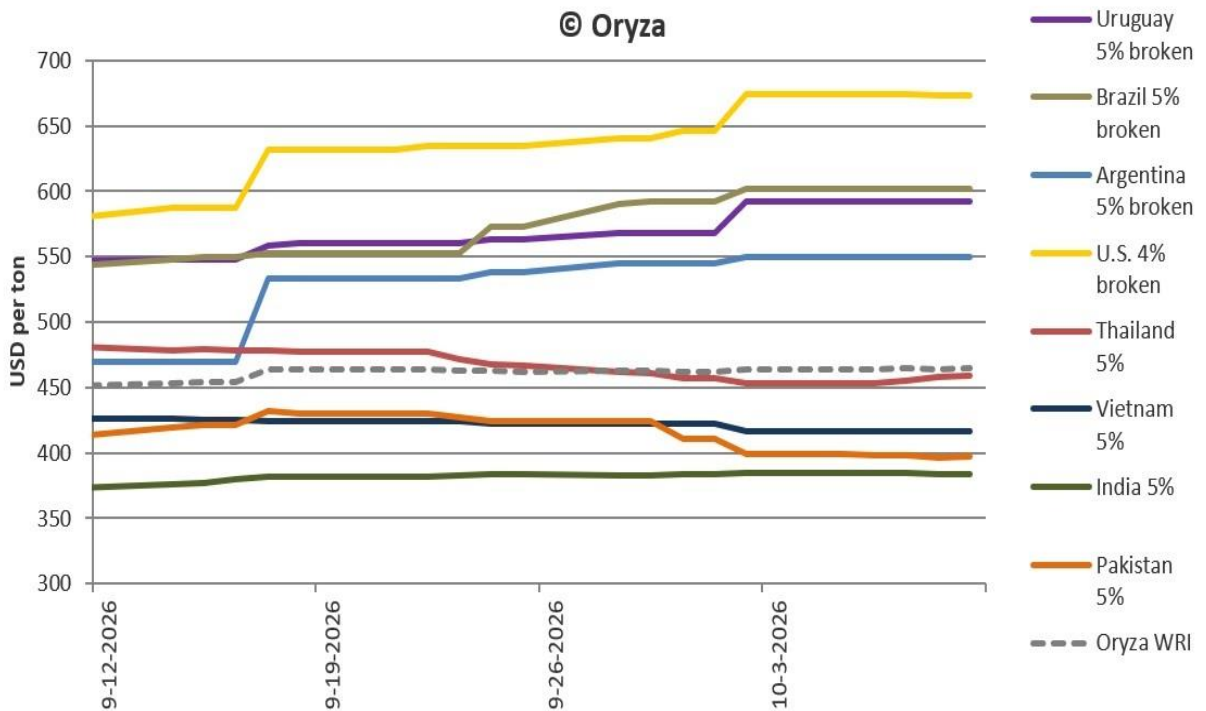
© Oryza

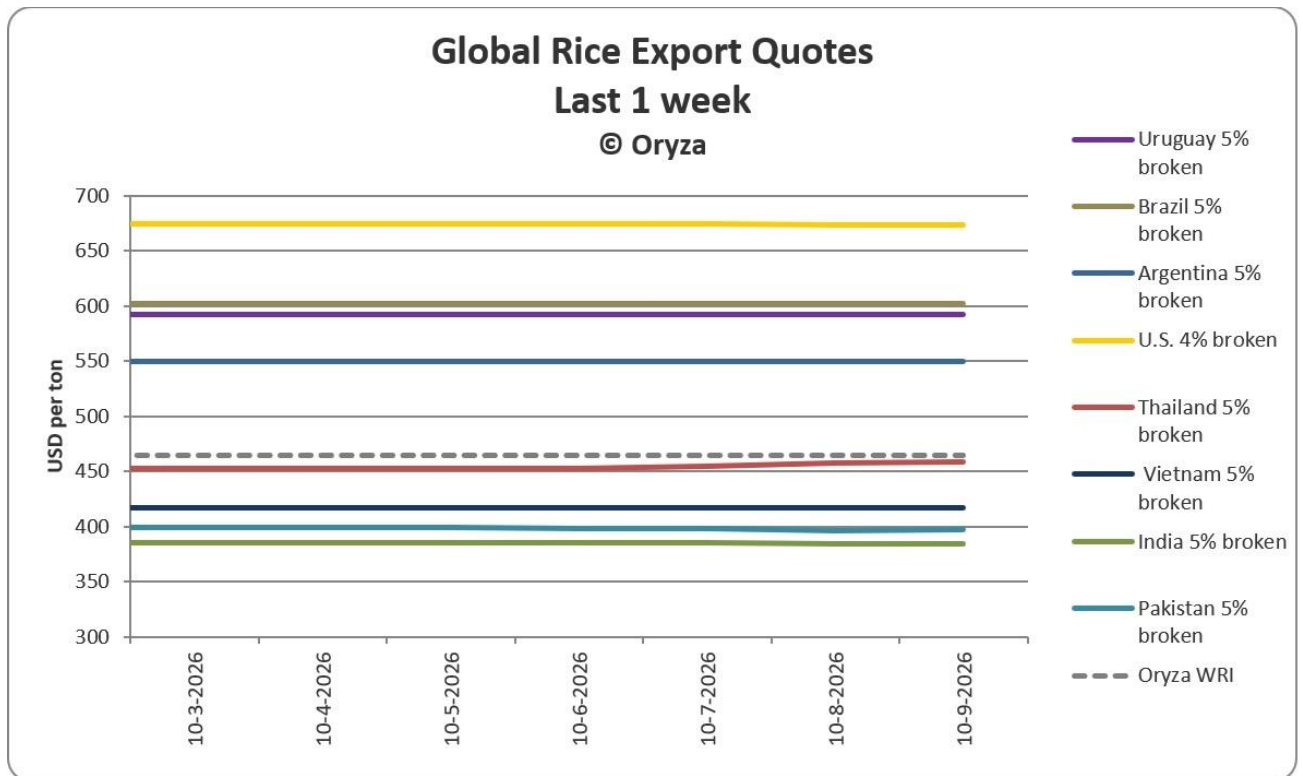


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





Philippines

Lạm phát tiêu dùng tại Philippines tăng lên 7,2% trong tháng 9/2026, từ mức 6,1% tháng 8, cao hơn dự báo 6,8%, chấm dứt chuỗi 4 tháng giảm liên tiếp. Giá gạo tăng 20,3%, cùng với chi phí nhiên liệu, vận chuyển và thực phẩm tăng do mưa lớn, đồng peso suy yếu, tiếp tục gây áp lực lên giá cả. Từ tháng 4, ngân hàng trung ương đã tăng tổng cộng 75 điểm cơ bản lãi suất điều hành nhằm kiềm chế lạm phát.

Philippines phân bổ 45 tỷ peso (khoảng 716 triệu USD) để ứng phó nguy cơ “siêu El Niño” từ cuối năm 2026 đến nửa đầu năm 2027, trong đó 6,2 tỷ peso đã được giải ngân. Kinh phí nhằm bổ sung dự trữ lương thực, hỗ trợ sản xuất và người sản xuất nông nghiệp; nhập khẩu có thể được sử dụng để ổn định nguồn cung và giá cả. Khó hạn dự kiến nghiêm trọng nhất từ tháng 11 đến tháng 4, làm gia tăng nguy cơ giảm sản lượng lúa gạo và phụ thuộc vào nhập khẩu.

Theo Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), tồn kho gạo quốc gia tính đến ngày 01/9/2026 giảm 8% so với cùng kỳ năm trước, làm gia tăng áp lực lên nguồn cung và giá gạo nội địa. Trong bối cảnh Philippines vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu, lượng tồn kho giảm càng nhấn mạnh vai trò của gạo nhập khẩu và vụ thu hoạch tiếp theo trong việc bổ sung nguồn cung.

Để ứng phó El Niño, Viện Nghiên cứu Lúa Philippines (PhilRice) phối hợp với Cơ quan Khí tượng PAGASA kết hợp dữ liệu thời tiết, lịch gieo trồng và năng suất nhằm hỗ trợ nông dân điều chỉnh thời vụ, quản lý cây trồng và sử

dụng nước. Tại đảo Luzon, khoảng 301.000 ha lúa có nguy cơ hạn hán cao và 280.000 ha có nguy cơ trung bình. Các giải pháp sản xuất phụ thuộc đáng kể vào khả năng tưới tiêu và mức độ khô hạn thực tế.

Trung Quốc

Trong 8 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 1,03 triệu tấn gạo Việt Nam, trị giá gần 505 triệu USD, trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, chủ yếu nhờ nhu cầu gạo tằm làm thức ăn chăn nuôi. Cùng với Philippines, hai thị trường này chiếm hơn 64% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam, cho thấy mức độ tập trung thị trường cao. Trong 9 tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu khoảng 6,4 triệu tấn gạo, trị giá 3,11 tỷ USD, giảm cả lượng, trị giá và giá xuất khẩu bình quân so với cùng kỳ. Đa dạng hóa thị trường là giải pháp cần thiết để giảm phụ thuộc vào các thị trường chủ lực.

Niên vụ 2026/27, sản lượng gạo xay xát của Trung Quốc dự báo đạt 147 triệu tấn, tiêu thụ khoảng 147,3 triệu tấn; nhập khẩu giảm còn 3,3 triệu tấn, xuất khẩu tăng nhẹ lên 2,2 triệu tấn và tồn kho cuối kỳ duy trì ở mức cao, khoảng 106,3 triệu tấn. Nguồn cung dồi dào, cùng xu hướng sử dụng gạo tồn kho lâu năm, gạo chất lượng thấp và gạo tằm nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi, tiếp tục tác động đến nhu cầu và cơ cấu nhập khẩu.

Các đợt đấu giá dự trữ cho thấy gạo tồn kho lâu năm được tiêu thụ tốt nhờ giá chiết khấu, trong khi gạo dự trữ mới khó bán do giá khởi điểm cao hơn thị trường. Nhìn chung, tồn kho lớn và chính sách điều tiết của Chính phủ giúp Trung Quốc duy trì nguồn cung ổn định; tuy nhiên, giá bán và chất lượng gạo dự trữ sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến diễn biến thị trường và nhu cầu nhập khẩu.

Malaysia

Tính đến ngày 30/9/2026, lượng tồn kho gạo thực tế đạt 1,193 triệu tấn, đủ đáp ứng khoảng 6 tháng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Lượng tồn kho này bao gồm 200.000 tấn dự trữ quốc gia và 993.478 tấn tồn kho thương mại. Chính phủ Malaysia cho biết nguồn cung gạo vẫn ổn định bất chấp những căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đồng thời tiếp tục theo dõi lượng dự trữ lương thực và các rủi ro liên quan đến nhập khẩu.

Lượng dự trữ thủy sản đạt khoảng 10.000 tấn, tương đương nhu cầu tiêu thụ trong nước trong khoảng 240 ngày. Tuy nhiên, chi phí đầu vào nông nghiệp gia tăng vẫn là vấn đề đáng quan ngại. Cụ thể, giá phân bón DAP đã tăng 28,15%, từ tháng 2 đến tháng 8, lên mức 793,50 USD/tấn. Bên cạnh đó, chi phí logistics và nhiên liệu tăng cao có thể tiếp tục gây áp lực lên giá lương thực, thực phẩm trong nước.

Nhật Bản

Thủ tướng Nhật Bản nhấn mạnh phát triển vùng là một động lực quan trọng cho tăng trưởng trong tương lai, trong đó nông nghiệp và thủy sản là những lĩnh vực được kỳ vọng hưởng lợi từ các thế mạnh của từng địa phương. Tuy nhiên, chính sách nông nghiệp đang chịu thêm áp lực sau cuộc khủng hoảng gạo gần đây và tình trạng giá cả biến động mạnh.

Bộ trưởng Nông nghiệp đang gặp phải sự chỉ trích liên quan đến những phát biểu được cho là hàm ý các địa phương có thị trường không ủng hộ ông trong cuộc bầu cử Hạ viện có thể bị cắt giảm ngân sách, làm dấy lên nghi vấn về mức độ phù hợp của ông đối với cương vị hiện tại. Nông dân trồng lúa tại địa phương quê nhà của ông ở Tochigi bày tỏ thất vọng. Một nông dân cho rằng những phát biểu này không phù hợp, đồng thời nêu lo ngại về tình trạng mưa kéo dài gây thiệt hại cho cây trồng và giá gạo giảm. Vụ việc làm gia tăng sự bất ổn đối với nông dân vốn đã phải đối mặt với những khó khăn về thị trường và thời tiết.

Theo Japan Times, Nhật Bản đang thúc đẩy quảng bá gạo chất lượng cao tại Đức thông qua chương trình bán thử nghiệm 6 giống gạo Nhật Bản tại cửa hàng bách hóa KaDeWe ở Berlin từ ngày 12–24/10/2026. Chương trình nhằm nâng cao nhận biết của người tiêu dùng thông qua hoạt động dùng thử sản phẩm và quảng bá thương hiệu theo vùng sản xuất. Trong giai đoạn tháng 1–8/2026, xuất khẩu gạo Nhật Bản sang Đức tăng 15% so với cùng kỳ năm trước, đạt 699 tấn, đưa Đức trở thành thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Nhật Bản tại châu Âu.

Bangladesh

Theo The Business Standard, giá gạo tại thủ đô Dhaka của Bangladesh đã tăng 1–3 taka/kg (0,008–0,024 USD/kg), do giá lúa và giá gạo tại nhà máy tăng, cùng với chi phí vận chuyển gia tăng sau khi giá dầu diesel được điều chỉnh tăng.

Các loại gạo chất lượng cao, bao gồm Miniket và Nazirshail, hiện được bán với giá 65–95 taka/kg (0,53–0,77 USD/kg), trong khi gạo chất lượng trung bình có giá 58–65 taka/kg (0,47–0,53 USD/kg). Chi phí thuê xe tải và giá bán buôn tăng đang tạo thêm áp lực lên giá bán lẻ. Trong khi đó, giá gạo thô vẫn tương đối ổn định, ở mức 50–55 taka/kg (0,41–0,45 USD/kg).

Indonesia

Indonesia đã tạm dừng kế hoạch khai phá rừng để mở rộng diện tích trồng lúa sau khi đạt được mục tiêu tự chủ lương thực về gạo, chuyển trọng tâm từ mở rộng đất canh tác sang nâng cao năng suất. Chính phủ Indonesia, sau khi triển khai chương trình phát triển thêm 3 triệu ha đất trồng lúa vào năm 2024, hiện dự kiến ưu tiên thâm canh thông qua sử dụng giống cải tiến và nâng

cao năng suất. Lượng gạo dự trữ chiến lược của nước này đã đạt khoảng 5,3 triệu tấn. Năm 2025, Indonesia sản xuất 34,71 triệu tấn gạo, vượt nhu cầu tiêu thụ trong nước là 31,19 triệu tấn. Quyết định này cũng góp phần thực hiện các mục tiêu khí hậu của quốc gia thông qua việc giảm áp lực chuyển đổi rừng sang đất nông nghiệp và khai thác gỗ. Đối với thị trường gạo khu vực, động thái này cho thấy Indonesia ưu tiên nâng cao năng suất và củng cố nguồn cung trong nước thay vì tiếp tục mở rộng diện tích canh tác.

Indonesia đã dừng kế hoạch khai phá rừng để mở rộng diện tích trồng lúa sau khi đạt mục tiêu tự chủ gạo sớm hơn 3 năm so với kế hoạch năm 2029, chuyển trọng tâm từ mở rộng đất canh tác sang nâng cao năng suất. Năm 2025, nước này sản xuất 34,71 triệu tấn gạo, cao hơn nhu cầu tiêu thụ trong nước là 31,19 triệu tấn, trong khi lượng dự trữ của Chính phủ đạt khoảng 5,3 triệu tấn. Để gia tăng sản lượng, Chính phủ khuyến khích sử dụng giống lúa năng suất cao, tăng giá thu mua lúa thêm 50% lên 6.500 rupiah/kg và giảm giá phân bón 20%. Indonesia cũng dự kiến ưu tiên sử dụng đất thoái hóa thay vì đất rừng cho việc mở rộng sản xuất nông nghiệp trong tương lai, đồng thời khuyến khích các phương thức canh tác lúa thân thiện với môi trường, tiết kiệm nước và phân bón. Tuy nhiên, tình trạng triển khai các dự án khai phá rừng đang thực hiện tại Nam Papua và Trung Kalimantan vẫn chưa rõ ràng. Chính sách này đánh dấu sự chuyển hướng sang phát triển dựa trên nâng cao năng suất, nhằm duy trì khả năng tự chủ gạo và lượng dự trữ lớn, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường và sự phụ thuộc vào nhập khẩu trong tương lai.

Theo Reuters, tính đến tháng 10/2026, Cơ quan hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) đã thu mua 4,1 triệu tấn gạo từ nông dân trong nước, vượt mục tiêu thu mua cả năm là 4 triệu tấn. Chính phủ tiếp tục thu mua nhằm củng cố dự trữ quốc gia, hỗ trợ nông dân và ổn định giá trong nước trước những rủi ro tiềm ẩn đối với nguồn cung do hiện tượng El Niño.

Hàn Quốc

Sản lượng gạo của Hàn Quốc năm 2026 được dự báo giảm 0,6% so với năm trước, xuống còn 3,518 triệu tấn, so với 3,539 triệu tấn năm 2025. Nguyên nhân là nông dân giảm diện tích trồng lúa theo định hướng của Chính phủ nhằm giải quyết tình trạng dư cung kéo dài và nhu cầu tiêu thụ gạo trong nước suy giảm. Diện tích gieo trồng lúa ước giảm 1,1%, còn 670.000 ha, mặc dù điều kiện thời tiết cải thiện được kỳ vọng giúp năng suất tăng 0,5%, lên 5,25 tấn/ha.

Chính phủ đang khuyến khích nông dân chuyển sang các loại cây trồng thay thế thông qua các chính sách hỗ trợ tài chính và chương trình chuyển đổi đất lúa, trong bối cảnh thói quen ăn uống thay đổi khiến nhu cầu tiêu thụ gạo giảm. Mức giảm sản lượng tương đối nhỏ này được dự báo không gây ảnh

hưởng đáng kể đến thị trường gạo thế giới, nhưng phản ánh nỗ lực liên tục của Hàn Quốc trong việc điều chỉnh nguồn cung trong nước phù hợp với nhu cầu tiêu thụ đang đi xuống.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 592 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 54 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 109 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Argentina, gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 550 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 80 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 82 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 602 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 59 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 99 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 02/10/2026, tiến độ gieo trồng đạt 19,7%, cao hơn mức 13,4% cùng kỳ năm trước và bình quân 5 năm là 14,4%. Tại các bang sản xuất chính, gieo trồng nhìn chung thuận lợi, dù mưa lớn gây chậm trễ một số khâu chuẩn bị đất. Trong tháng 9/2026, Brazil xuất khẩu 105.258 tấn và nhập khẩu 111.430 tấn gạo, nhập siêu 6.172 tấn; xuất khẩu chủ yếu là gạo tấm, trong khi nhập khẩu chủ yếu là gạo xay xát và gạo lứt.

Cuba, mời doanh nghiệp Ấn Độ đầu tư trồng lúa, đậu và mía trên đất nông nghiệp, với một phần sản lượng có thể dành cho xuất khẩu. Động thái nhằm ứng phó tình trạng thiếu hụt lương thực, năng lượng và hạn chế về tài chính nhập khẩu. Tuy nhiên, quy mô và tiến độ triển khai hợp tác chưa được xác định rõ.

Venezuela, sản lượng gạo xay xát niên vụ 2026/27 dự báo giảm còn 441.000 tấn, so với 475.000 tấn niên vụ trước; tiêu thụ giảm còn 730.000 tấn và nhập khẩu còn 250.000 tấn. Ngành lúa gạo chịu áp lực từ chi phí đầu vào cao, tín dụng hạn chế và cạnh tranh với gạo nhập khẩu từ Brazil. Giá lúa thóc giảm khoảng 17% trong năm 2026, xuống 350 USD/tấn, gần bằng chi phí sản xuất, khiến lợi nhuận nông dân thấp và một số hộ chuyển sang cây trồng xuất khẩu. Tồn kho cuối kỳ dự báo giảm còn 65.000 tấn, phản ánh những rủi ro đối với khả năng duy trì sản xuất trong nước.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 673 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 93 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 69 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), lượng gạo xuất khẩu của Hoa Kỳ trong niên vụ tiếp thị 2026/27 đạt 15.800 tấn trong tuần kết thúc ngày 1/10. Sau

khi tính đến các điều chỉnh giảm đã được báo cáo, các thị trường mua hàng gồm Mexico với 8.400 tấn, Nhật Bản 5.000 tấn, Canada 1.400 tấn, Jordan 400 tấn và Bahamas 200 tấn.

Trong cùng tuần, các nhà xuất khẩu gạo Hoa Kỳ đã giao hàng 25.600 tấn, trong đó Nhật Bản là thị trường nhận hàng lớn nhất với 12.000 tấn, tiếp theo là Hàn Quốc 5.300 tấn, Mexico 2.800 tấn, Canada 2.300 tấn và Ả Rập Xê Út 1.200 tấn.

Hiệp hội Gạo Hoa Kỳ (USA Rice) và Phong trào các bên liên quan ngành lúa gạo Philippines (PRISM) đã ký biên bản ghi nhớ (MoU) nhằm khôi phục xuất khẩu gạo Hoa Kỳ sang Philippines, với mục tiêu lượng mua hàng năm đạt 100.000 tấn từ năm 2027 và 200.000 tấn từ năm 2028.

Tuy nhiên, thỏa thuận chỉ đưa ra các mục tiêu mua hàng, không phải cam kết có tính ràng buộc. Lượng xuất khẩu thực tế sẽ phụ thuộc vào khả năng cạnh tranh về giá và mức độ tham gia của các nhà nhập khẩu. Hiện giá gạo Hoa Kỳ cao hơn khoảng 250 – 300 USD/tấn so với gạo Việt Nam và Ấn Độ. Trong khi đó, sản lượng lúa của Hoa Kỳ được dự báo giảm 30% trong năm nay, có thể hạn chế khả năng cạnh tranh của nước này tại thị trường Philippines.

Trung Đông

Các nhà nghiên cứu **Iran** đang phát triển các giống lúa chịu hạn nhằm duy trì sản xuất trong nước trước tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng.

Một nghiên cứu năm 2026 đánh giá 82 kiểu gen lúa trong 3 vụ sản xuất cho thấy hạn hán làm giảm gần 40% năng suất hạt bình quân, từ 4,4 tấn/ha xuống còn 2,7 tấn/ha. Nghiên cứu xác định các giống M1, Sela-Zodras và Shiroudi là những nguồn vật liệu triển vọng cho các chương trình lai tạo trong tương lai nhờ năng suất tương đối cao và khả năng chịu hạn.

Các nhà nghiên cứu cũng đang tìm hiểu những phương pháp tưới tiêu hiệu quả hơn. Các thử nghiệm trước đây cho thấy phương pháp tưới ngập – khô xen kẽ có thể giảm 17,3% lượng nước sử dụng, trong khi năng suất chỉ giảm 6%. Việc kết hợp giống lúa chịu hạn với các biện pháp tưới tiêu cải tiến có thể giúp Iran duy trì sản xuất lúa gạo, đồng thời giảm áp lực lên nguồn nước ngày càng khan hiếm.

Châu Phi

Nigeria

Thị trường gạo Nigeria trong niên vụ 2026/27 được dự báo thắt chặt hơn khi sản lượng trong nước giảm, trong khi tiêu thụ và nhập khẩu tăng.

Cơ quan đại diện Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) tại Nigeria dự báo sản lượng gạo xay xát đạt 5,57 triệu tấn, giảm so với mức 5,90 triệu tấn của niên

vụ trước. Nguyên nhân gồm diện tích gieo trồng thu hẹp, tình hình an ninh bất ổn, chi phí đầu vào và nhiên liệu cao, cơ sở hạ tầng yếu kém, lượng mưa phân bố không ổn định và giá lúa tại ruộng giảm.

Trong khi đó, tiêu thụ gạo được dự báo tăng 6%, lên 9,1 triệu tấn; nhập khẩu dự kiến tăng 11%, lên 3,1 triệu tấn, nhờ dòng gạo nhập khẩu phi chính thức tiếp tục duy trì và sản lượng trong nước suy giảm. Những thay đổi gần đây về thuế quan cũng đã làm giảm thuế điều chỉnh nhập khẩu đối với một số nhóm mặt hàng gạo, qua đó có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhập khẩu.

Trong bối cảnh nhu cầu tăng nhanh hơn nguồn cung, tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm 18%, xuống còn 1,84 triệu tấn, cho thấy thị trường gạo Nigeria sẽ trở nên thắt chặt hơn trong niên vụ 2026/27.

Ghana

Theo bne IntelliNews, Ghana đặt mục tiêu tự chủ gạo vào năm 2028 nhằm giảm khoản chi ngoại tệ dành cho nhập khẩu gạo hằng năm, hiện lên tới 500 triệu USD.

Mặc dù sản xuất trong nước đáp ứng 56% nhu cầu tiêu thụ, nông dân vẫn gặp khó khăn trong việc tiêu thụ lúa gạo thu hoạch do hoạt động nhập khẩu tiếp tục diễn ra. Chính phủ dự kiến gần việc cấp giấy phép nhập khẩu với các chương trình hợp tác cùng nhà sản xuất trong nước, đồng thời đầu tư vào sản xuất và chế biến lúa gạo thông qua dự án trị giá 18,8 triệu USD được Ngân hàng Phát triển châu Phi hỗ trợ.

Tuy nhiên, khả năng đạt mục tiêu tự chủ gạo sẽ phụ thuộc vào việc cải thiện khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của gạo sản xuất trong nước và bảo đảm thanh toán đúng hạn, cùng với việc gia tăng sản lượng.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 385 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, tăng 11 USD/tấn so với tháng trước và tăng 14 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo tuần qua chịu áp lực khi dự báo sản lượng suy giảm do thiếu mưa, hạn hán và diện tích gieo trồng giảm, qua đó hỗ trợ giá gạo trong nước và giá chào xuất khẩu duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, chi phí vận tải biển tăng mạnh đang làm giảm lợi nhuận và sức cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu. Tồn kho gạo chính phủ ở mức cao tiếp tục là yếu tố hỗ trợ ổn định nguồn cung trong nước.

Nguồn tin cho biết nước này có thể gia tăng thị phần xuất khẩu gạo toàn cầu khi nguồn cung từ một số nước xuất khẩu gạo khác bị hạn chế. Tuy nhiên,

giá nhiên liệu, cước vận tải và gián đoạn vận chuyển do ảnh hưởng từ căng thẳng địa chính trị có thể hạn chế khả năng mở rộng xuất khẩu.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 459 USD/tấn, tăng khoảng 6 USD/tấn so với tuần trước, giảm 21 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 120 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường xuất khẩu gạo tuần qua tiếp tục chịu áp lực do giá chào cao hơn các nguồn cung cạnh tranh, nhu cầu tại một số thị trường chủ lực suy yếu và chi phí vận tải tăng.

Theo số liệu sơ bộ của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), xuất khẩu gạo (không bao gồm gạo Hom Mali) trong giai đoạn 1/1–20/9/2026 đạt khoảng 3,78 triệu tấn, giảm 18,7% so với cùng kỳ năm trước.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 397 USD/tấn, lần lượt giảm 2 USD/tấn so với tuần trước và giảm khoảng 15 USD/tấn so với tháng trước, tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước tăng khoảng 51 USD/tấn.

Miến Điện

Nước đặt mục tiêu xuất khẩu 3 triệu tấn gạo trong năm tài chính 2026/27, trong bối cảnh lượng gạo xuất sang Philippines trong tháng 4–9/2026 đạt 455.079 tấn, tăng khoảng 330.4% so với cùng kỳ. Người mua Philippines ưa chuộng các giống lúa có hạt dài, thon, đặc biệt là các giống Emata như GW-11, GW-18, 90 Days và Manawthukha. Các giống này cũng đang được thúc đẩy xuất khẩu thông qua Chương trình Khu xuất khẩu gạo (Rice Export Zone). Bên cạnh đó, nước này có định hướng giảm xuất khẩu gạo tám để tăng chế biến trong nước.

Ngày 3/10, Liên đoàn Lúa gạo Miến Điện (MRF) áp dụng các quy định giao dịch chặt chẽ hơn nhằm hạn chế trung gian, ổn định giá gạo Pawsan và hỗ trợ xuất khẩu. Các thương nhân phải kê khai lượng gạo giao dịch, đăng ký kho và cập nhật tồn kho trên hệ thống Myanmar Rice Online (MyRo), đồng thời tuân thủ quy định quản lý giá của chính phủ.

Campuchia

Nguồn tin cho biết nước này dự kiến xuất khẩu 60 ngàn tấn gạo xay xát sang Philippines vào cuối năm 2026, gồm 15 ngàn tấn trong tháng 10/2026 và 45 ngàn tấn trong tháng 11–12/2026, sử dụng tàu chở hàng rời khởi hành trực tiếp từ cảng Kampot. Trong 8 tháng đầu năm 2026, nước này đã xuất khẩu 122.102 tấn gạo sang thị trường Philippines, dự báo tổng lượng xuất khẩu cả năm sang thị trường này có thể đạt 209.446 tấn. Nước này cũng đặt mục tiêu

xuất khẩu thêm 100.000 tấn sang thị trường này trong năm 2027 và sẵn sàng tăng cường hợp tác nhằm cung ứng gạo dài hạn cho Philippines.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	06 – 10	07 - 10	08 - 10	09 – 10	12 – 10
Trung Quốc (CNY/USD)	6,71	6,70	6,70	6,70	6,69
Châu Âu (EUR/USD)	0,89	0,89	0,89	0,89	0,89
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.928,22	17.857,81	17.891,84	17.938,04	17.887,13
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,09	4,09	4,09
Philippines Peso (PHP/USD)	62,66	62,75	62,73	62,95	62,80
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.341,99	1.338,09	1.339,33	1.343,65	1.340,46
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	157,98	158,14	158,11	158,33	158,45
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	96,30	96,38	96,75	96,85	96,79
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,07	2.099,69	2.099,77	2.099,69	2.100,03
Pakistan Rupees (PKR/USD)	276,94	276,61	276,93	277,03	276,90
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,69	33,61	33,66	33,70	33,53
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.004,39	26.015,85	25.978,98	25.900,03	25.882,25

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 12/10/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,22 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 1,15 triệu ha với năng suất khoảng 60,34 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,946 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 497 ngàn ha/633 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 79%, thu hoạch được khoảng 64 ngàn ha, với năng suất ước 62,49 tạ/ha, sản lượng 400 ngàn tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 – 12/10/2026 có 03 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 31.000 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
------------	----------------	----------------------	-----------------	-----------------	-----------------------------

1	Mike Thomas	HCM	22/09/2026	50.000	Châu phi
2	MD Sea	HCM	26/09/2026	11.000	Philippines
3	Minh Anh 08	HCM	05/10/2026	3.500	Malaysia
4	Vinh 02	HCM	10/10/2026	4.500	Malaysia
5	Zaccar	HCM	10/10/2026	23.000	Châu phi
Tổng				92.000	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	08/10	+/-	08/10	+/-	08/10	+/-	08/10	+/-	08/10	+/-	08/10	+/-	08/10	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.150	-	5.950	+50	5.900	-	6.050	+100	5.950	+50	6.250	-	6.250	-	6.250	6.071
Lúa thường	5.950	-	5.800	-	5.800	-	5.850	-	5.800	-	5.950	-	5.850	-	5.950	5.857
<u>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.550	-	7.300	+50	7.255	-	7.250	-	8.750	-			7.950	-	8.750	7.676
Lúa thường	7.350	-	7.150	-	6.890	-	7.150	-	8.200	-			7.050	-	8.200	7.298
<u>Gao Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.250	-	9.150	-	9.050	-25	8.900	-300			9.450	-	9.450	9.092
Lứt loại 2	8.650	-	8.700	-50	8.750	-	8.800	+25	8.700	-50	8.950	-	8.950	-	8.950	8.786
Xát trắng loại 1			10.450	+50			9.850	+75	10.525	-	10.525	-	10.250	-	10.525	10.320
Xát trắng loại 2			9.950	-			9.675	-75	9.950	-	9.950	-	9.750	-	9.950	9.855
<u>Phu Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.650	-100	8.700	-	8.700	-	8.675	-	8.800	0	8.800	-	8.750	-	8.800	8.725
Tấm 2/3			8.600	-	8.700	-			8.500	-			8.350	-	8.700	8.538
Tấm 3/4	8.350	-	8.550	-	8.550	-							8.350	-	8.550	8.450
Cám xát	7.650	+100	7.550	+100	7.600	-	7.650	+100	7.675	+125	7.675	+75	7.450	-	7.675	7.607
Cám lau	7.650	+100	7.450	+100	7.600	-	7.650	+100	7.675	+125	7.675	+75	7.550	-	7.675	7.607
<u>Gao TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	9.000	-1.100	10.550	-	9.900	-	10.100	-	10.450	-	10.550	-	10.250	-	10.550	10.114
10%			10.450	-					10.700	-			10.150		10.700	10.433
15%	8.800	-1.100	10.350	-	9.700	-	9.900	-	10.500	-	10.500	-	9.950	-	10.500	9.957
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	8.600	-1.100	9.750	-	9.500	-	9.700	-	9.900	-	9.900	-	9.650	-	9.900	9.571
